

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG SIÊU HẠT
GREENTECH PVL**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG SIÊU HẠT GREENTECH PVL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREENTECH PVL SUPER BEADS APPLICATION TECHNOLOGY SCIENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GREENTECH PVL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108785184

3. Ngày thành lập: 14/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 ngõ 1 ngách 34 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3999.999

Fax:

Email: vinhptt1975@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
3.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Trồng cây hàng năm khác	0119
8.	Trồng cây ăn quả	0121
9.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
10.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
11.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
12.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
13.	Chăn nuôi khác	0149
14.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
17.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
19.	Sản xuất chè	1076
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
24.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
25.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
28.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
30.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
32.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
33.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
36.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
37.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
40.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
41.	Tái chế phế liệu	3830
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
43.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
48.	Bán buôn tổng hợp	4690
49.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
50.	In ấn	1811
51.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
52.	Trồng cây lâu năm khác	0129
53.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
54.	Sao chép bản ghi các loại	1820

55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
57.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
58.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
59.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
60.	Bán buôn đồ uống	4633
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
69.	Cổng thông tin	6312
70.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
73.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
74.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
77.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
78.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
79.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

86.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
87.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
88.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
89.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
90.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
91.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
92.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
93.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
94.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
95.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
96.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
97.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
98.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
99.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
100.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
101.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
102.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214(Chính)
103.	Hoạt động thú y	7500
104.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
105.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cơ sở lưu trú khác	5590
110.	Bốc xếp hàng hóa	5224
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 350.000

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 14/06/2019 đến ngày 14/07/2019

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI XUÂN PHONG	Số nhà 7/1104 La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	175.000.000	5,000	011751522	
			Tổng số	17.500	175.000.000	5,000		
2	PHẠM THỊ THÚY VINH	Số 3 ngõ 1 gác 34 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	122.500	1.225.000.000	35,000	030175005800	
			Tổng số	122.500	1.225.000.000	35,000		
3	NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	Tổ dân phố số 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	60,000	030075005250	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 28/02/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030075005250

Ngày cấp: 11/07/2018

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố số 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 1, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: PHẠM THỊ THÚY VINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030175005800

Ngày cấp: 14/01/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 3 ngõ 1 ngách 34 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 3 ngõ 1 ngách 34 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội